

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

-----  
**QUY ĐỊNH HỢP TÁC DỊCH VỤ VTADS**

**Điều 1. Định nghĩa**

**Bên A** là Khách hàng đăng ký/ký hợp đồng sử dụng dịch vụ VTads.

**Bên B** là đơn vị cung cấp dịch vụ - Tổng công ty Viễn thông Viettel hay các Chi nhánh Viettel tỉnh/thành phố.

- 1.1. **Dịch vụ Quảng cáo Truyền thông:** là dịch vụ cung cấp cho các đơn vị là cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp các hình thức quảng cáo truyền thông như qua hình thức gửi tin hiển thị thương hiệu (brandname); cài ứng dụng quảng cáo; hiển thị flash; cài đặt nhạc chờ; là các thuê bao có nhu cầu nhận tin hoặc cài đặt dịch vụ (và chưa từ chối) các thông tin quảng cáo. Trong Hợp đồng này gọi tắt là dịch vụ Quảng cáo truyền thông hoặc Dịch vụ.

Dịch vụ Quảng cáo Truyền thông có các dịch vụ sau:

**SMS:** là dịch vụ gửi tin nhắn tới các thuê bao mục đích quảng cáo các thông tin tiếp thị, quảng bá về sản phẩm, dịch vụ.

**SMS Flash/USSD:** là dịch vụ tin nhắn hiển thị trực tiếp trên màn hình điện thoại thuê bao di động Viettel khi điện thoại ở chế độ rảnh, thuê bao có thể đọc trực tiếp, tương tác hoặc từ chối đọc tin.

**Topup:** Là hành động cộng tiền vào tài khoản điện thoại của người dùng Viettel.

**Airtime:** Là số tiền mà Bên A mua từ Bên B để Bên B thực hiện topup

**Data:** Là dung lượng data 3G/4G tốc độ cao trên mạng Viettel Telecom

**Quảng cáo hiển thị, tìm kiếm (Google adwords (GA), Facebook, truyền hình..):** Các hình thức quảng cáo cho phép hiển thị, tìm kiếm các quảng cáo của Bên A.

**CPO (Cost per Order):** Chi phí bên A trả cho bên B trên một đơn hàng đặt thành công.

**CPL (Cost per Lead):** Chi phí bên A trả cho bên B trên một kết quả, các hành động của thuê bao mà có lợi cho bên B.

**CPS (Cost per Sale):** Chi phí được tính dựa trên doanh thu bán hàng mang lại.

**Dịch vụ Quảng cáo khác** do Bên A phát triển, kết nối và đưa vào kinh doanh trên hệ thống mobile marketing với mục đích quảng cáo, các thông tin tiếp thị, quảng bá về sản phẩm. Dịch vụ theo chính sách giá riêng, tùy theo thời điểm nhu cầu của Bên A. Việc thông báo hình thức quảng cáo khác sẽ được bên B thực hiện bằng Công văn trước khi triển khai thực tế.

- 1.2. **Khách hàng:** là các đối tượng sử dụng thuê bao di động có nhu cầu nhận tin (và chưa từ chối) hoặc có nhu cầu xem dịch vụ quảng cáo.

- 1.3. **Giá cước Dịch vụ:** là số tiền cước sử dụng Dịch vụ mà Bên A sẽ phải thanh toán cho Bên B.

- 1.4. **Mạng viễn thông:** là các mạng di động hiện đang cung cấp trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

**Chiến dịch quảng cáo:** Là chương trình quảng cáo sản phẩm, dịch vụ của bên A được diễn ra trong khoảng thời gian nhất định do bên A quy định với mục đích quảng cáo truyền thông sản phẩm mới, chương trình khuyến mại, giảm giá, trúng thưởng mang tính chất xúc tiến thương mại.

**Brandname:** là tên thương hiệu của doanh nghiệp/tổ chức/đơn vị được đại diện bởi nhãn hàng, tên công ty trên giấy đăng ký kinh doanh hay tên các link website đang hoạt động do đơn vị đó sở hữu.

**Điều 2. Nội dung hợp tác**

Bên A và Bên B đồng thuận hợp tác cung cấp và sử dụng dịch vụ quảng cáo mục đích chăm sóc khách hàng và quảng cáo.

**Điều 3: Quy định đăng ký thương hiệu, định dạng bản tin đến thuê bao, duyệt tin quảng cáo**

**3.1. Thủ tục khai báo thương hiệu**

Trường hợp 1: Bên A là đại lý khai báo Brandname cho khách hàng trực tiếp của Bên A, hồ sơ bao gồm:

**Đối với doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan Nhà nước**

- Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp (ĐKDN)/quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương khác của nhà quảng cáo (trường hợp cơ quan nhà nước có thể thay thế quyết định thành lập bằng quyết định bổ nhiệm, văn bản ủy quyền hoặc giấy tờ khác thể hiện vai trò của Bên A hoặc người ký hợp đồng).
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với ngành, nghề kinh doanh tương ứng đối với quảng cáo về hoạt động kinh doanh hàng hoá, dịch vụ của mình.
- Tài liệu chứng minh về sự hợp chuẩn, hợp quy của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đối với quảng cáo cho các loại sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có điều kiện theo quy định của pháp luật.
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng tài sản đối với quảng cáo tài sản mà pháp luật quy định tài sản đó phải có giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng và các Điều kiện quảng cáo khác theo quy định của Pháp luật.
- Công văn xác nhận giao dịch kinh doanh và văn bản ủy quyền cho Bên A khai báo Brandname nhằm mục đích quảng cáo. Trường hợp giấy ủy quyền giữa hai cá nhân, yêu cầu có xác nhận công chứng.
- Công văn khai báo thương hiệu của Bên A:
  - (i) Nếu thương hiệu là tên của chính nhà quảng cáo thì tên đó cần thể hiện trên quyết định thành lập và/hoặc giấy chứng nhận ĐKDN;
  - (ii) Trường hợp Brandname khai báo không trùng với tên riêng nhà quảng cáo thì giấy tờ chứng minh thương hiệu muốn khai báo bao gồm nhưng không giới hạn bởi:
    - Quyết định cấp Văn bằng bảo hộ đối với nhãn hiệu;
    - Các giấy xác nhận quyền sở hữu, phân phối, kinh doanh thương hiệu khai báo Brandname (hợp đồng đại lý, phân phối, ủy quyền, nhượng quyền kinh doanh...trong đó brandname được sử dụng để quảng bá cho sản phẩm dịch vụ liên quan)
    - Trường hợp khai báo brandname theo tên miền:
      - Nhà quảng cáo phải cung cấp giấy tờ, văn bản chứng minh sở hữu tên miền (bao gồm nhưng không giới hạn: hợp đồng mua tên miền còn hiệu lực, trang website đang hoạt động có nội dung hợp lệ, rõ ràng, không gây hiểu lầm hay mang tính chất lừa đảo. Trường hợp không có hợp đồng thì trang web thương mại điện tử bán hàng và trang web cung cấp dịch vụ thương mại điện tử phải thông báo đăng ký với Bộ Công thương và được xác nhận.
      - Khi ủy quyền, phải có văn bản ủy quyền được ký bởi đại diện theo pháp luật của công ty hoặc nếu là cá nhân phải kèm theo CMND và chứng minh được cá nhân sở hữu tên miền và cá nhân trên ĐKDN của công ty là cùng 1 người.
      - Tên miền bắt buộc phải có đuôi .com.vn hoặc .vn hoặc .com

***Đối với Hộ kinh doanh:***

- Brandname sẽ ưu tiên bắt đầu bằng HKD\_....
- Nếu brandname lấy tên theo biển hiệu của cửa hàng: Địa chỉ trên biển hiệu phải trùng với địa chỉ đăng ký kinh doanh hoặc có xác nhận của đơn vị được ủy quyền khai báo (Nhân viên Viettel/ đại lý quảng cáo).
- Cá nhân ủy quyền khai báo Brandname: Kèm theo CMND trùng với thông tin trên ĐKDN.

***Đối với khách hàng cá nhân:***

- Hệ thống cho phép khai báo một số thương hiệu chung, thuộc mạng Viettel. Khách hàng không được gửi tin ngoại mạng. Khách hàng sẽ lựa chọn thương hiệu, thực hiện khai báo và gửi admin phê duyệt. Riêng với lĩnh vực bất động sản, cá nhân chỉ được phép gửi tin quảng cáo nếu chứng minh được cá nhân sở hữu tài sản được quảng cáo đó. Danh sách thương hiệu bao gồm:

STT	Tên thương hiệu	Nhóm	Giá cước (VNĐ/SMS)
1	TTKHUYENMAI; GIOITHIEUSP, VIENTHONG	1	500
2	TUYENDUNG; TUYENSINH	3_UD	200
3	AMTHUC; THOITRANG; DU LICH; HOAMYPHAM; LAMDEP; GIAITRI; BANLE	4_UD	350

Trường hợp 2: Bên A là đại lý khai báo Brandname cho Đối tác thứ 3, thủ tục bao gồm các giấy tờ như Trường hợp 1 và bổ sung thêm Văn bản Ủy quyền của Đối tác cho bên A.

**Lưu ý:** Trong một số trường hợp thương hiệu khai báo đã tồn tại trên hệ thống và thuộc sở hữu của một đơn vị khác, thứ tự ưu tiên xét duyệt Brandname là nhãn hiệu đã đăng ký bảo hộ; nhãn hiệu lớn trên thị trường; đăng ký theo tên đơn vị trên ĐKDN; tên miền; tên cửa hàng v.v. Viettel được toàn quyền ưu tiên khai báo, yêu cầu thay đổi Brandname hoặc từ chối khai báo Brandname này.

Nhà quảng cáo phải cung cấp cho Viettel thông tin cần thiết, trung thực, chính xác về cơ quan, tổ chức, cá nhân, sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, các tài liệu liên quan đến điều kiện quảng cáo và chịu trách nhiệm về các thông tin đó; Bảo đảm chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phù hợp với nội dung quảng cáo; Chịu trách nhiệm về sản phẩm quảng cáo của mình trong trường hợp trực tiếp thực hiện quảng cáo trên các phương tiện; liên đới chịu trách nhiệm về sản phẩm quảng cáo.

Công văn khai báo ghi rõ 2 nội dung quảng cáo dự kiến. Khi khai báo mạng ngoài, nội dung quảng cáo phải chính xác và tách riêng công văn khai báo quảng cáo với chăm sóc khách hàng

### 3.2. Quy định về thương hiệu

- Thương hiệu tối đa gồm 11 ký tự, kể cả khoảng trắng, không sử dụng các ký tự đặc biệt như @, %, \*, #.
- Trường hợp Brandname là tên miền: Tên khai báo là toàn bộ tên miền đầy đủ (gồm cả .com.vn), trường hợp vượt quá 11 ký tự, sẽ rút gọn, nhưng vẫn đảm bảo không gây hiểu lầm sang tên thương hiệu khác, hoặc phản ánh khác với nội dung của trang web.
- Để phân cách các ký tự trong thương hiệu: Mạng Viettel, Vina, Mobifone và Gtel có thể sử dụng khoảng trắng hay (.)/(\_) /(-); Vietnammobile không dùng (.)/(\_) /(-) chỉ dùng được khoảng trắng. Ví dụ: VT.edu/VT\_edu/VT-edu.
- Phí thương hiệu: Mạng Vietnammobile thu phí khai báo và duy trì thương hiệu là 50.000đ/thương hiệu/tháng. Các mạng khác miễn phí khai báo và duy trì thương hiệu

### 3.3. Quy định thời gian khai báo thương hiệu:

- Trong mạng Viettel không quá 2 ngày, mạng ngoài Viettel không quá 5 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thương hiệu hoàn chỉnh của Bên A (không tính thứ 7, chủ

nhật, ngày lễ, tết và các thông báo khác từ các nhà mạng). Thời gian hủy trước ngày 25 hàng tháng, trường hợp ngày 25 vào thứ 7, chủ nhật, ngày lễ y/c gửi ngày trước đó.

- Bên khai báo thương hiệu tuân thủ và chịu trách nhiệm về việc đặt tên và sử dụng Brandname đã quy định tại Hợp đồng, các Phụ lục hợp đồng đã ký kết và các văn bản thông báo của Viettel. Trường hợp phát sinh các vấn đề liên quan đến tính hợp lệ của hồ sơ khai báo Brandname, Viettel không phải chịu bất cứ trách nhiệm nào đồng thời Viettel được toàn quyền tạm dừng thực hiện các chương trình quảng cáo từ Brandname đó và thông báo (qua email) cho bên khai báo để giải trình.
- Trong thời gian 3 tháng tính từ thời điểm khai báo trên hệ thống, nếu một Brandname không phát sinh sản lượng gửi tin, Brandname đó sẽ bị khóa trên hệ thống.

### 3.4. Quy định về thời gian duyệt tin Quảng cáo

Nhà mạng	Thời gian duyệt tin Quảng cáo (1)	Thời gian dừng duyệt tin Quảng cáo (2)	Trường hợp có nhu cầu gửi tin vào các ngày nghỉ cuối tuần, ngày lễ
Viettel	Trước 17h30	Thứ 7, chủ nhật, ngày lễ, tết và các thông báo khác từ các nhà mạng	Đặt hẹn giờ trước trong thời gian duyệt tin Quảng cáo (1)
Các mạng khác	Trước 16h, tin sau 16h sẽ bị hủy hoặc tin quảng cáo còn hiệu lực thì chuyển sang ngày làm việc tiếp theo.	Thứ 7, chủ nhật, ngày lễ, tết và các thông báo khác từ các nhà mạng	Chưa thực hiện được

### 3.5. Quy định về thời gian chặn gửi tin quảng cáo của nhà mạng

Viettel	Vinaphone	Mobifone
T2 đến T6: 11h30- 13h40; 21h00-7h T7 và CN: 11h30- 14h30; 21h00- 9h00	11h30- 13h30; 18h-20h; 21h- 8h	11h30- 13h30; 20h-3h

### 3.6. Quy định bản tin không dấu các mạng của hình thức Quảng cáo

Số tin	Đơn vị	Viettel	Vinaphone	Mobifone	Gmobile	Vietnamobile
		QC	QC	QC	QC	QC
1 tin	Ký tự	160	160	160	160	126
2 tin	Ký tự	306	306	306	306	272
3 tin	Ký tự	459	459	459	459	425
4 tin	Ký tự	612	612	612	612	578
5 tin	Ký tự	765	765	765	765	731

**Lưu ý:** Riêng tin nhắn quảng cáo QC thuộc mạng Vietnamobile có tính số ký tự của tiền tố (VNM2) và hậu tố (Tu chơi QC, soạn TC gửi 5092- không bao gồm khoảng trắng ở đầu) sẽ được tính vào nội dung tin nhắn.

**Quy định các dịch vụ khác: Chỉ sử dụng nội mạng Viettel**

**Flash SMS:**

- Tối đa tới 255 ký tự kể cả dấu cách, tiền tố (QC-VTL2) và hậu tố (De TC soạn TC gửi 1313)

- Tin nhắn thông báo, không có tương tác. Tin nhắn được xác định thành công khi gửi thành công qua hệ thống của bên B.

**USSD:**

- Tối đa 155 ký tự kể cả dấu cách, tiền tố (QC-VTL2) và hậu tố (De TC soan TC gui 1313)
- Thích hợp với mọi loại máy. Miễn phí người dùng
- Tương tác khi máy mất sóng; hết tiền; hết data

**3.7. Quy định nhận và từ chối tin nhắn Quảng cáo**

- Thời gian gửi tin từ 7h-11h30 và từ 13h40 – 21h, có sự điều chỉnh giữa các ngày trong tuần và cuối tuần, và một số điểm khác giữa các mạng gửi tin.
- Số lượng tin tối đa:
  - o Đối với mạng Viettel: 1-2 tin/thuê bao/ngày, 5-8 tin/thuê bao/tháng, tính theo từng phân khúc khách hàng trên hệ thống.
  - o Đối với các mạng khác: 3 tin trong vòng 24h;
- Trong vòng 24h, một thuê bao không nhận 2 tin có nội dung giống nhau.
- Các thuê bao đã từ chối sẽ không nhận được tin nhắn quảng cáo cho tới khi thuê bao yêu cầu gỡ bỏ khỏi danh sách từ chối.
- Các hình thức từ chối nhận tin quảng cáo:
  - Qua cú pháp TC gửi 1313 để từ chối toàn bộ dịch vụ hoặc TC {thương hiệu A} gửi 1313 để từ chối nhận tin từ một thương hiệu cụ thể.
  - Hoặc đăng nhập website <https://ads.viettel.vn> vào mục FAQ/người dùng điện thoại và làm theo hướng dẫn
  - Hoặc gọi 024 6288 3999

**Điều 4: Quyền và Nghĩa vụ của Bên A**

- 4.1 Sử dụng dịch vụ của Bên A, khiếu nại các vấn đề về cước, chất lượng dịch vụ.
- 4.2 Yêu cầu Bên B bảo mật các thông tin cung cấp qua hệ thống Bên A.
- 4.3 Thực hiện tất cả các biện pháp cần thiết để bảo mật hệ thống của mình, tránh hiện tượng truy cập trái phép vào mạng lưới của Bên B thông qua hệ thống của Bên A;
- 4.4 Là đầu mối tiếp nhận, giải quyết và phối hợp với Bên B giải quyết các khiếu nại của thuê bao nhận tin;
- 4.5 Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin được cung cấp qua hệ thống Dịch vụ trên mạng Viễn thông Viettel, đảm bảo các nội dung thông tin này là chính xác, trung thực, hợp pháp, không trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của Việt Nam và đảm bảo rằng Bên A có quyền sở hữu hoặc sử dụng, cung cấp các thông tin đó một cách hợp pháp không phải tin nhắn rác và thuê bao nhận tin là thuê bao đã đăng ký nhận tin quảng cáo theo quy định Nhà Nước và Pháp luật về Quảng cáo tin nhắn và Chống thư rác. Bên A có nghĩa vụ xuất trình danh sách thuê bao đồng ý nhận tin quảng cáo khi có yêu cầu thanh kiểm tra từ các đơn vị quản lý Nhà nước.
- 4.6 Thực hiện gửi tin nhắn Quảng cáo theo quy định tại Phụ lục đính kèm;

**Điều 5: Quyền và Nghĩa vụ của Bên B**

- 5.1 Có quyền yêu cầu Bên A dừng một phần hay toàn phần việc sử dụng dịch vụ trong trường hợp Bên B nâng cấp dịch vụ hoặc Bên A vi phạm các quy định Pháp luật nhà nước và các điều lệ dịch vụ.
- 5.2 Phản hồi lại Bên A khi nhận được yêu cầu hỗ trợ về dịch vụ sau thời gian tối đa không quá 24h (không kể thứ 7, chủ nhật, ngày lễ, tết).
- 5.3 Đảm bảo chất lượng và duy trì hoạt động ổn định của mạng lưới theo tiêu chuẩn quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, đáp ứng các yêu cầu sử dụng Dịch vụ của Bên A;

- 5.4 Có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ Bên A kết nối, sử dụng dịch vụ. Giải quyết các thắc mắc về lỗi, sự cố dịch vụ. Thông báo cho Bên A khi có bất kỳ nâng cấp, thay đổi hệ thống ảnh hưởng đến Bên A bằng hình thức gửi mail/tin nhắn/thoại/văn bản.
- 5.5 Bên B có trách nhiệm hoàn cước cho Bên A trong trường hợp xác minh lỗi dịch vụ dẫn đến thất thoát cước của Bên A. Bên B không tiếp nhận giải quyết việc hoàn cước trong trường hợp Bên A khiếu nại việc thất thoát cước quá thời điểm Bên A bị thất thoát cước 30 ngày.
- 5.6 Kiểm duyệt nội dung tin nhắn Quảng cáo trước khi được gửi tới thuê bao theo quy định tại phụ lục quy định kiểm duyệt tin nhắn quảng cáo dưới và kiểm duyệt các tin nhắn chăm sóc khách hàng, thông tin nội bộ khi có sự nghi ngờ về nội dung tin nhắn không đúng quy định.

#### **Điều 6: Tạm ngừng hoặc ngừng cung cấp dịch vụ**

- 6.1 Trong trường hợp phát hiện tin nhắn phát sinh từ hệ thống của Bên A vi phạm một trong các trường hợp sau:
- Khách hàng không đăng ký tiếp nhận hoặc có đăng ký nhưng đã hủy tiếp nhận tin nhắn từ Bên A;
  - Thông tin Bên A gửi không đúng theo các cam kết, đăng ký nhận của khách hàng;
  - Thông tin Bên A gửi vi phạm quy định của Nhà nước về Chống thư rác theo quy định Pháp luật Việt Nam;

Bên B có quyền đơn phương tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ dịch vụ đã cấp cho Bên A. Nếu Bên A vi phạm có thể dẫn tới thiệt hại cho Bên B, Bên A phải bồi thường thiệt hại cho Bên B theo số lượng tin nhắn gửi sai quy định và theo quy định pháp luật (bao gồm cả trách nhiệm tài chính đối với các chi phí, khoản nộp phạt Bên B phải trả cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và Bên thứ ba có quyền liên quan)

- 6.2 Trong trường hợp Bên A không đồng ý sử dụng dịch vụ theo chính sách thay đổi mới của Bên B. Bên A có quyền ngừng sử dụng dịch vụ.

#### **Điều 7: Cước, phụ phí và chiết khấu dịch vụ VTads**

Những vấn đề về giá cước và phụ phí Dịch vụ được quy định tại hợp đồng dịch vụ và các văn bản bổ sung được cập nhật các thay đổi chính sách giá chung tại website <https://ads.viettel.vn>.

#### **Điều 8: Giải quyết tranh chấp**

- 8.1 Bên B được miễn trừ hoàn toàn mọi trách nhiệm liên quan đến các tranh chấp về bản quyền tác giả, sở hữu trí tuệ và các tranh chấp khác có liên quan trong quá trình cung cấp Dịch vụ. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp, Bên A chịu trách nhiệm giải quyết tranh chấp và chịu mọi phí tổn liên quan.
- 8.2 Các Bên cùng có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nội dung điều lệ hợp tác. Mọi tranh chấp phát sinh liên quan đến dịch vụ trước hết sẽ được giải quyết thông qua thương lượng giữa Các Bên. Nếu việc giải quyết không đạt được bằng thương lượng thì một trong Các Bên có quyền đưa tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng buộc hai Bên phải thực hiện. Án phí và chi phí khác do Bên thua kiện chịu.

#### **Điều 9: Điều khoản chung**

##### **9.1 Bất khả kháng**

(a) Nếu một trong Các Bên không thể thực thi được toàn bộ hay một phần nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng do Sự Kiện Bất Khả Kháng là các sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết mà khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn ở các sự kiện như thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, tai nạn, thảm họa, hạn chế về dịch bệnh, nhiễm

hạt nhân hoặc phóng xạ, chiến tranh, nội chiến, khởi nghĩa, đình công hoặc bạo loạn, can thiệp của Cơ quan Chính phủ, hệ thống thiết bị của Các Bên gặp sự cố kỹ thuật trong quá trình vận hành khai thác hoặc do hạn chế về khả năng kỹ thuật các hệ thống thiết bị thì Bên đó sẽ phải nhanh chóng thông báo cho Bên kia bằng văn bản về việc không thực hiện được nghĩa vụ của mình do Sự Kiện Bất Khả Kháng, và sẽ, trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng, chuyển trực tiếp bằng thư bảo đảm cho Bên kia các bằng chứng về việc xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng và khoảng thời gian xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng đó.

Bên thông báo việc thực hiện Hợp đồng của họ trở nên không thể thực hiện được do Sự Kiện Bất Khả Kháng có trách nhiệm phải thực hiện mọi nỗ lực để giảm thiểu ảnh hưởng của Sự Kiện Bất Khả Kháng đó.

(b) Khi Sự Kiện Bất Khả Kháng xảy ra, thì nghĩa vụ của Các Bên tạm thời không thực hiện và sẽ ngay lập tức phục hồi lại các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng khi chấm dứt Sự Kiện Bất Khả Kháng hoặc khi Sự Kiện Bất Khả Kháng đó bị loại bỏ.

### 9.2 Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng vẫn có giá trị trong những trường hợp một trong hai Bên có sự thay đổi về nhân sự, cơ cấu quản lý (chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi...).

### 9.3 Thông báo

(a) Mọi thông báo và thông tin liên lạc chính thức liên quan đến Hợp đồng sẽ được gửi tới địa chỉ của Các Bên như nêu tại phần thông tin Bên A của Hợp đồng.

(b) Mọi thông báo và thông tin liên lạc khác hoặc thừa nhận được thực hiện theo Hợp đồng sẽ chỉ có hiệu lực nếu được lập thành văn bản, bao gồm cả fax và telex, và chỉ được coi là đã gửi và nhận hợp lệ: (i) khi giao bằng tay có chữ ký của Bên kia xác nhận đã nhận văn bản; (ii) nếu gửi bưu điện thì phải có xác nhận của đơn vị chuyển phát; (iii) trong trường hợp gửi bằng fax hay telex, khi gửi trong giờ làm việc bình thường tới địa điểm kinh doanh của người nhận, nếu có tín hiệu đã chuyển.

(c) Cho mục đích của điều này, Các Bên có thể thay đổi địa chỉ bằng cách gửi thông báo hợp lệ bằng văn bản cho Bên kia.

## **PHỤ LỤC: QUY ĐỊNH KIỂM DUYỆT NỘI DUNG QUẢNG CÁO**

Bên B duyệt tin nhắn quảng cáo theo các tiêu chí sau:

### **1. Quy định sản phẩm quảng cáo**

Sản phẩm quảng cáo là hàng hóa thuộc danh mục phải kiểm tra chất lượng, hoặc danh mục phải có giấy chứng nhận chất lượng thì phải có giấy chứng nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, trường hợp hàng hóa là đối tượng sở hữu trí tuệ phải có giấy chứng nhận quyền sở hữu trí tuệ.

### **2. Qui định về xuất trình các văn bản, giấy tờ liên quan cần chú ý cho quảng cáo các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt, cụ thể**

- a) Quảng cáo thuốc được phép quảng cáo theo quy định của pháp luật về y tế; phải có giấy phép lưu hành tại Việt Nam đang còn hiệu lực và tờ hướng dẫn sử dụng do Bộ Y tế phê duyệt;
- b) Quảng cáo mỹ phẩm phải có phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm theo quy định của pháp luật về y tế;
- c) Quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phải có giấy chứng nhận đăng ký lưu hành do Bộ Y tế cấp;
- d) Quảng cáo sữa và sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ không thuộc quy định tại khoản 4 Điều 7 của Luật Quảng cáo phải có giấy chứng nhận tiêu chuẩn, giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm đối với sản phẩm dinh dưỡng sản xuất trong nước; đối với sản phẩm dinh dưỡng nhập khẩu thì phải có giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm của cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất và giấy phép lưu hành;
- đ) Quảng cáo thực phẩm, phụ gia thực phẩm phải có giấy chứng nhận đăng ký chất lượng vệ sinh an toàn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm thuộc danh mục phải đăng ký chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm hoặc giấy tiếp nhận hồ sơ công bố tiêu chuẩn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm thuộc danh mục phải công bố tiêu chuẩn;
- e) Quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh phải có giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn hành nghề do ngành y tế cấp theo quy định của pháp luật;
- g) Quảng cáo trang thiết bị y tế phải có giấy phép lưu hành đối với thiết bị y tế sản xuất trong nước hoặc giấy phép nhập khẩu đối với thiết bị y tế nhập khẩu;
- h) Quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật phải có giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật. Quảng cáo sinh vật có ích dùng trong bảo vệ thực vật phải có giấy phép kiểm dịch thực vật do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp;
- i) Quảng cáo thuốc thú y, vật tư thú y phải có giấy phép lưu hành sản phẩm và bản tóm tắt đặc tính của sản phẩm;
- k) Quảng cáo phân bón, chế phẩm sinh học phục vụ trồng trọt, thức ăn chăn nuôi, chế phẩm sinh học phục vụ chăn nuôi phải có giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm hoặc văn bản tự công bố chất lượng sản phẩm.
- g) Với các sản phẩm thực hiện khuyến mại: Yêu cầu xuất trình văn bản tiếp nhận nội dung chương trình khuyến mại của cơ quan quản lý nhà nước về thương mại theo quy định của pháp luật về hoạt động thương mại.

### **3. Nội dung đảm bảo Quy định cấm trong hoạt động Quảng cáo**

- Hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật.
- Thuốc lá.
- Rượu có nồng độ cồn từ 15 độ trở lên.
- Sản phẩm sữa thay thế sữa mẹ dùng cho trẻ dưới 24 tháng tuổi, sản phẩm dinh dưỡng bổ sung dùng cho trẻ dưới 06 tháng tuổi; bình bú và vú ngậm nhân tạo.
- Thuốc kê đơn; thuốc không kê đơn nhưng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền khuyến cáo hạn chế sử dụng hoặc sử dụng có sự giám sát của thầy thuốc.



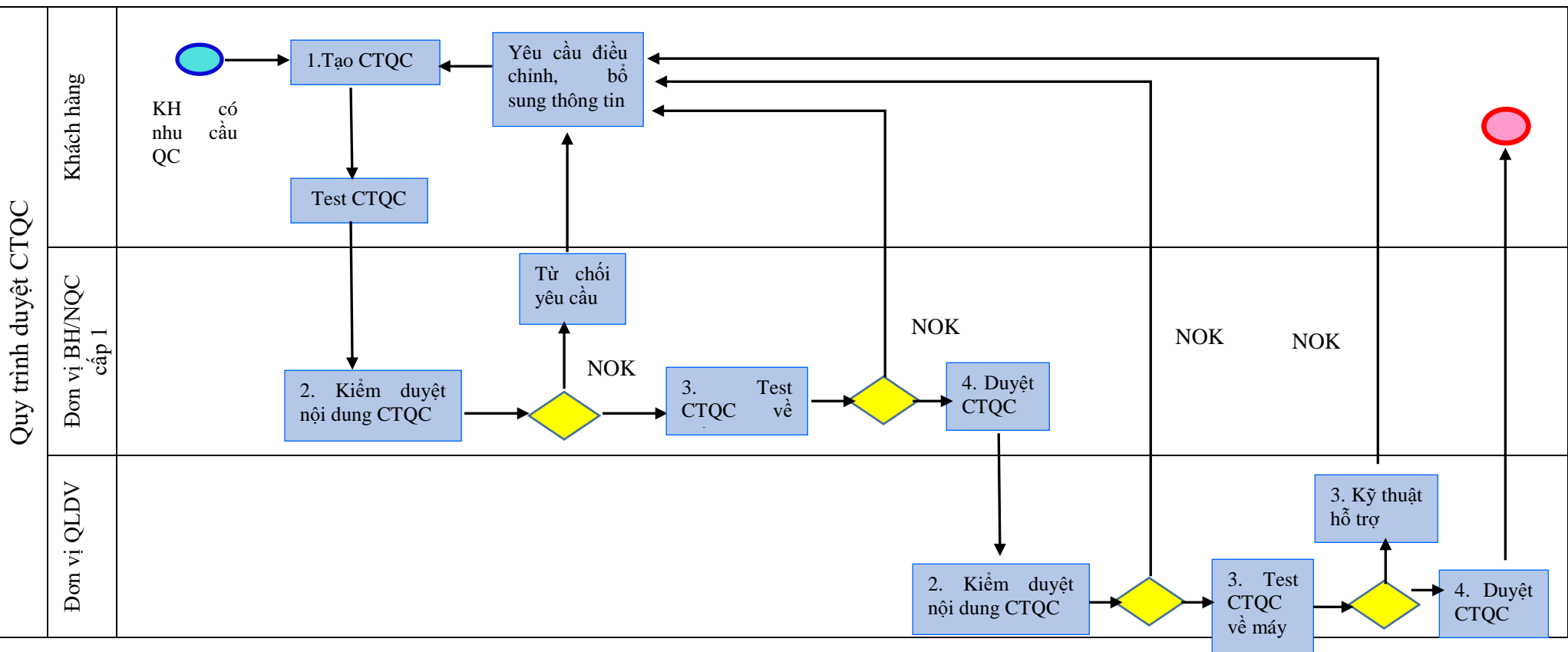
- Các loại sản phẩm, hàng hóa có tính chất kích dục.
- Súng săn và đạn súng săn, vũ khí thể thao và các loại sản phẩm, hàng hóa có tính chất kích động bạo lực.
- Quảng cáo làm tiết lộ bí mật nhà nước, phương hại đến độc lập, chủ quyền quốc gia, an ninh, quốc phòng.
- Quảng cáo thiếu thẩm mỹ, trái với truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam.
- Quảng cáo gây ảnh hưởng xấu đến sự tôn nghiêm đối với Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca, Đảng kỳ, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa, lãnh tụ, lãnh đạo Đảng, Nhà nước.
- Quảng cáo có tính chất kỳ thị dân tộc, phân biệt chủng tộc, xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo, định kiến về giới, về người khuyết tật.
- Quảng cáo xúc phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm của tổ chức, cá nhân.
- Quảng cáo có sử dụng hình ảnh, lời nói, chữ viết của cá nhân khi chưa được cá nhân đó đồng ý, trừ trường hợp được pháp luật cho phép.
- Quảng cáo không đúng hoặc gây nhầm lẫn về khả năng kinh doanh, khả năng cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; về số lượng, chất lượng, giá, công dụng, kiểu dáng, bao bì, nhãn hiệu, xuất xứ, chủng loại, phương thức phục vụ, thời hạn bảo hành của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã đăng ký hoặc đã được công bố.
- Quảng cáo bằng việc sử dụng phương pháp so sánh trực tiếp về giá cả, chất lượng, hiệu quả sử dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của mình với giá cả, chất lượng, hiệu quả sử dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cùng loại của tổ chức, cá nhân khác.
- Quảng cáo có sử dụng các từ ngữ “nhất”, “duy nhất”, “tốt nhất”, “số một” hoặc từ ngữ có ý nghĩa tương tự mà không có tài liệu hợp pháp chứng minh theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Quảng cáo có nội dung cạnh tranh không lành mạnh theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.
- Quảng cáo vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ.
- Quảng cáo tạo cho trẻ em có suy nghĩ, lời nói, hành động trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục; gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, an toàn hoặc sự phát triển bình thường của trẻ em.
- Các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cấm quảng cáo khác do Chính phủ quy định khi có phát sinh trên thực tế.

#### **4. Qui định về nội dung quảng cáo**

- Thông tin đầu mỗi liên quan đến sản phẩm quảng cáo nói chung: cần ghi rõ số điện thoại liên hệ (hỗ trợ)/hoặc website (liên quan đến sản phẩm)/hoặc địa chỉ.
- Đối với nội dung quảng cáo, giới thiệu sản phẩm thông thường, sản phẩm mới: Cần ghi rõ tên sản phẩm, nhà quản lý sản phẩm(chấp nhận tại thương hiệu).
- Đối với nội dung quảng cáo Chương trình giảm giá, khuyến mại: cần ghi rõ mức giảm giá cụ thể, đối tượng/số lượng áp dụng(nếu có), thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc.
- Đối với chương trình bình chọn, trúng thưởng: Cần ghi rõ tên giải thưởng, đối tượng/số lượng giải thưởng áp dụng, thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc chương trình.
- Đối với các sản phẩm quảng cáo là thuốc: nội dung cần có lời dặn ‘ Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng’.
- Đối với nội dung có các đầu số 1900xxx/1800xxx và đầu số ngắn cần nêu rõ chi tiết chi phí.

#### **5. Các bước duyệt tin nhắn Quảng cáo**

**a. Lưu đồ**



## **b. Diễn giải các bước duyệt tin nhắn Quảng cáo**

### **B1. Tạo CTQC**

- Bên A có nhu cầu QC thực hiện đăng nhập trên website <https://ads.viettel.vn> và thực hiện tạo CTQC theo hướng dẫn tại mục Hỗ trợ trên website.
- Thực hiện gửi tin test về máy theo danh sách số test đã được admin hệ thống lưu vào tập DS thuê bao test mặc định của tài khoản. Số điện thoại test là số nội mạng.
- CTQC được tạo chuyên bước tiếp theo.

### **B2.1. Duyệt CTQC**

- Đối với các CTQC của NQC cấp 2, NQC cấp 1 sẽ thực hiện vai trò test (tùy chọn) và duyệt tin như một admin hệ thống
- Kết thúc duyệt CTQC của NQC cấp 1

### **B2.2 Kiểm duyệt nội dung QC**

- Bên B nhận nội dung trên hệ thống thực hiện kiểm tra nội dung truyền thông theo các tiêu chí quy định nêu trên.
- Nội dung đạt yêu cầu chuyển sang bước Test trước khi Duyệt nội dung.
- Nội dung không đạt thực hiện từ chối yêu cầu nêu rõ lý do

### **B3. Test chương trình về máy Bên B**

- Chương trình được test về máy thiết bị đầu cuối của nhóm nghiệp vụ - Đơn vị quản lý dịch vụ đảm bảo không bị hiện ký tự lạ, nội dung theo đúng tiêu chí duyệt chương trình tại B2, thực hiện duyệt chương trình sang bước tiếp theo.
- Trường hợp nội dung hiển thị về thiết bị đầu cuối không chuẩn theo nội dung yêu cầu, sai lệch ký tự, brandname. Thực hiện chuyển bộ phận kỹ thuật hỗ trợ kiểm tra và test lại cho tới khi nội dung đúng yêu cầu. Tiếp tục chuyển bước tiếp theo.

### **B4. Duyệt CTQC**

- CTQC được duyệt và chuyển sang trạng thái sẵn sàng để gửi tin.

Chương trình Quảng cáo được gửi đi

- Kết thúc chương trình quảng cáo